

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2024/DS-PT

Ngày: 06-06-2024

“V/v tranh chấp dân sự -

Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ T1;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng;

Ông Phạm Minh Tùng.

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - T ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2024/TLPT-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2024, về việc “*Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2023/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 315/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 337/2024/DS-PT, ngày 13/5/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Hồ Hữu A, sinh năm 1968.

Bà Dương Thị Kim T, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Mai Hải T, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: Số C, tổ F, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Ông Dương Huỳnh T, sinh năm 1978.

3/ Bà Huỳnh Thị Tuyết T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Số B, đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Dương Huỳnh T, bà Huỳnh Thị Tuyết T: Anh Trần Đình Hải, sinh năm 1989, Địa chỉ cư trú: Số 24, Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người kháng cáo:* + Ông Dương Huỳnh T, sinh năm 1978.
+ Bà Huỳnh Thị Tuyết T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Số B, đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng VKS nhân dân huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn L trình bày:

Giữa ông Nguyễn Tuấn L với ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim T là chỗ quen biết trong công việc kinh doanh với nhau nên ngày 28/02/2022 ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim T có hỏi vay của ông Nguyễn Tuấn L số tiền gốc 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm triệu đồng) để đáo nợ ngân hàng. Khi đó ông Nguyễn Tuấn L đồng ý và chuyển vào tài khoản 6500205088023 của ông Hồ Hữu A số tiền gốc 4.700.000.000 đồng (chuyển 02 lần cùng ngày 28/02/2022: lần 01 số tiền chuyển là 2.300.000.000 đồng và lần 02 số tiền là 2.400.000.000 đồng). Ông Hồ Hữu A, bà Dương Thị Kim T có viết biên nhận nợ ngày 28/02/2022 để làm tin không thỏa thuận lãi suất (chỉ thỏa thuận lãi suất miệng bên ngoài 02%/tháng) và hứa 10 ngày trả lại.

Ngày 14/3/2022, bà Dương Thị Kim T có trực tiếp chuyển khoản Ngân hàng để trả cho ông L số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Ngày 28/4/2022, đã quá thời gian hẹn trả nợ ông L có liên lạc với bà Dương Thị Kim T thì bà T kêu ông L nhà của ông Dương Huỳnh T và vợ là bà Huỳnh Thị Tuyết T lấy lãi. Khi ông L đến nhà thì bà Huỳnh Thị Tuyết T có trực tiếp giao ông L số tiền lãi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngày 17/6/2022, ông Nguyễn Tuấn L tiếp tục liên lạc để yêu cầu bà T trả tiền, thì bà T kêu ông L nhà của ông Dương Huỳnh T và vợ là bà Huỳnh Thị Tuyết T tiếp tục lấy lãi. Khi ông L đến thì bà Huỳnh Thị Tuyết T có trực tiếp giao cho ông L số tiền lãi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Tổng cộng ông Nguyễn Tuấn L nhận tiền lãi trực tiếp từ bà Huỳnh Thị Tuyết T 02 lần số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Việc nhận lãi có ghi biên nhận lãi nhưng ông L không giữ biên nhận và cũng chưa tính số tiền lãi cụ thể là bao nhiêu. Còn việc nhận 400.000.000 đồng tiền lãi là tạm thời, sau đó các bên thỏa thuận sẽ tính lãi lại.

Nay ông Nguyễn Tuấn L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim T phải trả có trách nhiệm cho ông L số tiền đã vay gốc là 4.100.000.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm triệu đồng).

Tiền lãi từ ngày 28/02/2022 – 14/3/2022: $4.700.000.000 \times 1,66\%/tháng \times 15$ ngày = 39.010.000 đồng (Ba mươi chín triệu, không trăm mười nghìn đồng).

Tiền lãi từ ngày 15/3/2022 – 23/10/2023: $4.100.000.000$ đồng $\times 1,66\%/tháng \times 588$ ngày = 1.333.976.000 đồng (Một tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Tổng cộng gốc, lãi: $4.100.000.000$ đồng + $39.010.000$ đồng + $1.372.986.000 - 400.000.000$ đồng = $5.072.986.000$ đồng (Năm tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- Bị đơn ông Hồ Hữu A đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Dương Thị Kim T trình bày:

Ngày 28/02/2022, ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim T thừa nhận có vay của ông Nguyễn Tuấn L số tiền gốc 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm triệu đồng) nhưng là vay dùm cho ông Dương Huỳnh T và bà Huỳnh Thị Tuyết T. Sau khi vay tiền từ ông L thì bà Huỳnh Thị Tuyết T kêu bà T chuyển vào tài khoản Ngân hàng Agribank tỉnh Đ qua số tài khoản cá nhân (6500203008760) của ông Mai Hải T (chuyển khoản 02 lần vào ngày 28/02/2022: Lần 01 số tiền là 2.300.000.000 đồng và lần 02 số tiền là 2.314.760.000 đồng). Tổng cộng 02 lần chuyển khoản là 4.614.760.000 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Còn lại số tiền 85.240.000 đồng (Tám mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng), ông T, bà T1 còn nợ ông Ái, bà T nên cần trừ qua là đủ số tiền 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm triệu đồng).

Sau khi cho vay ông Nguyễn Tuấn L có trực tiếp nhận lãi của ông Dương Huỳnh T và bà Huỳnh Thị Tuyết T 02 lần (lần 01 ngày 28/4/2022 số tiền 200.000.000 đồng, lần 2 ngày 17/6/2022 số tiền 200.000.000 đồng). Tổng cộng số tiền lãi ông L đã nhận là 400.000.000 đồng).

Ngày 14/3/2022, bà Huỳnh Thị Tuyết T kêu bà Dương Thị Kim T lấy số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), mà bà T đã mượn bà T1 trước đây để trả bớt cho ông Nguyễn Tuấn L vào số tiền gốc 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm triệu đồng). Bà T đồng ý nên đã mang số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) trả vào nợ gốc nên số tiền nợ gốc còn nợ lại là 4.100.000.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm triệu đồng).

Ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim T xin thay đổi yêu cầu. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Huỳnh T và bà Huỳnh Thị Tuyết T có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Tuấn L số tiền mà ông Ái, bà T đứng ra vay dùm gồm: Số tiền gốc là 4.100.000.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm triệu đồng).

Tiền lãi từ ngày 28/02/2022 – 14/3/2022: $4.700.000.000 \times 1,66\%/tháng \times 15$ ngày = 39.010.000 đồng (Ba mươi chín triệu, không trăm mười nghìn đồng).

Tiền lãi từ ngày 15/3/2022 – 23/10/2023: 4.100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 588 ngày = 1.333.976.000 đồng (Một tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Tổng cộng gốc, lãi: 4.100.000.000 đồng + 39.010.000 đồng + 1.333.976.000 – 400.000.000 đồng = 5.072.986.000 đồng (Năm tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Hải T trình bày:*

Thông qua số tài khoản cá nhân 6500203008760 của ngân hàng Agribank, ông Mai Hải T chỉ đứng ra để nhận dùm số tiền chuyển khoản từ ông Hồ Hữu A, 02 lần vào ngày 28/02/2022: Lần 01 số tiền là 2.300.000.000 đồng và lần 02 số tiền là 2.314.760.000 đồng). Tổng cộng 02 lần nhận chuyển khoản là 4.614.760.000 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Sau đó ông T giao lại số tiền đã nhận chuyển khoản từ ông Hồ Hữu A cho ông Dương Huỳnh T. Từ trước đến nay giữa ông Mai Hải T và ông Hồ Hữu A không giao dịch qua lại với nhau. Ông Mai Hải T không có ý kiến gì. Vì ông Ái, bà T không yêu cầu đối với ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Huỳnh T, bà Huỳnh Thị Tuyết T trình bày:*

Do cần tiền để đáo nợ Ngân hàng, ngày 28/02/2022 ông Dương Huỳnh T và bà Huỳnh Thị Tuyết T có nhờ ông Mai Hải T đứng ra nhận dùm số tiền chuyển khoản 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm triệu đồng) từ ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim T. Sau khi nhận tiền từ ông Ái, thì ông T giao lại số tiền trên cho ông Dương Huỳnh T.

Khi đó ông Dương Huỳnh T mới mang tiền đã vay trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tỉnh Đồng Tháp để lấy 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng ra. Sau đó, ông T mới mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vừa lấy qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố C để tiếp tục vay. Khoảng giữa tháng 3 năm 2022, ông Dương Huỳnh T đã hoàn trả lại số tiền đã vay cho ông Ái, bà T xong và đã nhận lại chứng từ vay đối với số tiền 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm triệu đồng). Từ đó ông Dương Huỳnh T không còn nghe ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim T nhắc đến số tiền vay này.

Việc Tòa án thụ lý đưa ông T, bà T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không phù hợp vi phạm tố tụng. Vì ông T, bà T1 không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong vụ án này, vì đây là hợp đồng tranh chấp vay tài sản giữa ông L và ông Ái, bà T còn ông T, bà T1 không đứng ra bảo lãnh khoản vay của ông Ái, bà T. Cũng như không phải là người trực tiếp vay tiền của ông L. Việc ông Ái, bà T yêu cầu ông T, bà T1 liên đới trả nợ cho ông L trong vụ án này vi phạm về thẩm quyền giải quyết. Ông T, bà T1 xác định không nợ tiền ông L và không nợ tiền của ông Ái, bà T theo yêu cầu khởi kiện của các ông bà.

Nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện T không đưa ông T, bà T1 vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trường hợp bên ông Ái, bà T cho rằng ông T, bà T1 còn nợ tiền thì có quyền khởi kiện ông T, bà T1 đến Tòa án có thẩm quyền về việc yêu cầu trả nợ.

*** *Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn L.

Buộc ông Dương Huỳnh T và bà Huỳnh Thị Tuyết T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Tuấn L số tiền vay gốc và lãi là 5.072.986.000 đồng (Năm tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm: Ông T, bà T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo; Viện trưởng VKS nhân dân huyện T kháng nghị: đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông Ái, bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông L.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm; Vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

- Bị đơn đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử, sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà T1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn L đối với bị đơn là ông Hồ Hữu A, bà Dương Thị Kim T về việc yêu cầu trả tiền vốn và tiền lãi đã vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản” phù hợp với quy định Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Huỳnh T và bà Huỳnh Thị Tuyết T không đồng ý với quyết định của bản án

sơ thẩm nên có kháng cáo; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Dương Huỳnh T, bà Huỳnh Thị Tuyết T và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm Sát nhân dân huyện T; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Ông Nguyễn Tuấn L khởi kiện đối với số tiền cho ông Ái, bà T vay, việc này được thể hiện bằng biên nhận nợ do ông Ái, bà T lập để ông L giữ; đồng thời, việc vay nợ này cũng được ông Ái, bà T thừa nhận. Do đó, việc ông L khởi kiện yêu cầu ông Ái, bà T trả vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ.

Theo ông Ái, bà T trình bày: số tiền này ông bà vay dùng cho ông T, bà T1. Nên nay ông T, bà T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn, lãi cho ông L. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là hình thức chuyển giao nghĩa vụ để buộc ông T, bà T1 trả nợ cho ông L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không phù hợp; Bởi vì, việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ phải được sự đồng ý của ông L; Tòa sơ thẩm nhận định, ông L đồng ý việc trả nợ thay này là không phù hợp, cụ thể là ông L cũng đã khởi kiện đối với ông Ái, bà T chứ không khởi kiện đối với ông T, bà T1. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông T, bà T1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông L là chưa phù hợp. Bên cạnh đó, việc vay, mượn giữa ông Ái, bà T với ông T, bà T1 cũng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ vì ông T, bà T1 trình bày là không còn nợ ông Ái, bà T; Vì vậy, nếu sau này ông Ái, bà T chứng minh được việc ông T, bà T1 có nợ ông Ái, bà T thì ông, bà được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà T1 và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay là oàn toàn phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà T1 nên ông T, bà T1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Huỳnh T, bà Huỳnh Thị Tuyết T;

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm Sát nhân dân huyện T;

3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 199/2023/DS-ST ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện T;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn L.

Buộc ông Hồ Hữu A, bà Dương Thị Kim T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Tuấn L số tiền vay gốc và lãi là 5.072.986.000 đồng (Năm tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/10/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Ái, bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.073.000 đồng (Một trăm mười ba triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tuấn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.501.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0016186 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông T, bà T1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, hoàn trả cho ông Dương Huỳnh T, bà Nguyễn Thị Tuyết T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004282, ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh